

Số: 42 /GPMT-STNMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 831/TB-STNMT-VP ngày 16/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Phân công nhiệm vụ ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước, Khoáng sản và Thông báo số 864/TB-STNMT-VP ngày 23/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết và quyết định thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước, Khoáng sản;

Xét đề nghị của Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô tại Văn bản số 38/CVH ngày 19/02/2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đồng bộ Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án/cơ sở đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 11.8/CVH ngày 11/8/2024 của Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô, địa chỉ trụ sở tại số 91 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố

Hà Nội, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đồng bộ Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô tại số 91 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đồng bộ Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại số 91 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô là chủ đầu tư thực hiện dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đồng bộ Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô theo Quyết định số 7498/QĐ-TLĐ ngày 17/7/2023 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đồng bộ Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô.

1.4. Mã số thuế: 0100110704

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: là trung tâm hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao ... phục vụ nhiều hoạt động chính trị của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ ngành đoàn thể Trung ương và của Thành ủy, UBND Thành phố, các ban ngành đoàn thể của thành phố Hà Nội.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi dự án: khu đất thực hiện dự án có diện tích rộng hơn 3,1ha tại số 91 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; phạm vi dự án như sau: *phía Đông Bắc* tiếp giáp phố Trần Hưng Đạo; *phía Đông Nam* tiếp giáp phố Trần Bình Trọng; *phía Tây Nam* tiếp giáp phố Trần Quốc Toản; *phía Tây Bắc* tiếp giáp phố Yết Kiêu.

- Quy mô, công suất dự án: tổng mức đầu tư dự kiến là 120.000.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi tỷ đồng*); nhóm dự án: dự án nhóm B, công trình dân dụng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các nội dung tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 10 tháng 9 năm 2024 đến ngày 10 tháng 9 năm 2034).

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội phối hợp với Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố; | (để báo cáo);
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- UBND quận Hoàn Kiếm;
- Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội;
- Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô;
- Báo Lao động Thủ đô;
- Cổng thông tin điện tử Sở TN&MT;
- Lưu: VT, TNN.

Mhs: H26.14-240220-0001
2024000003579

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 42/GPMT-STNMT ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước của Thành phố trên phố Trần Bình Trọng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: tại số 91 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000):

$$X = 2\ 325\ 603 \quad Y = 587\ 638.$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60 m³/ngày đêm.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải*: Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức theo đường ống dẫn, tự chảy ra hố ga nước thải đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải*: Gián đoạn.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT cột B, hệ số K=1,0 (áp dụng đối với Trụ sở cơ quan, văn phòng, trường học, cơ sở nghiên cứu có quy mô, diện tích sử dụng của cơ sở lớn hơn hoặc bằng 10.000 m²), cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng theo các quy định hiện hành
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: nước thải sinh hoạt (từ bồn cầu, bồn tiểu của các khu vệ sinh xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn; từ khu vực nhà bếp nhiễm dầu mỡ được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ; nước từ bồn rửa tay, thoát sàn) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 60 m³/ngày đêm) đặt trong khuôn viên dự án, về phía đường Trần Bình Trọng; nước thải sau xử lý được xả ra hệ thống thoát nước của Thành phố trên phố Trần Bình Trọng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → nước thải sau xử lý xả ra hệ thống thoát nước của Thành phố trên phố Trần Bình Trọng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm.

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Viên nén Clo và các hóa chất tương đương.

1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thực hiện các yêu cầu chung về quản lý nước thải theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân thủ quy trình kỹ thuật về vận hành hệ thống xử lý nước thải; định kỳ kiểm tra các bộ phận, máy móc, thiết bị, vật liệu thuộc hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải kịp thời thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố như: kiểm soát lưu lượng tăng đột biến, khắc phục chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, khắc phục sự cố hỏng máy móc, thiết bị, vật liệu xử lý nước thải...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến không quá 06 tháng, bắt đầu từ Quý I/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo quy định tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát (Mẫu số 43 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.3. Thực hiện đầy đủ các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, trường hợp có sự thay đổi Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội để kiểm tra, giám sát.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 42 /GPMТ-STNMT ngày 10 tháng 9 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	37
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	18
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	22
Tổng số			95

Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất tẩy rửa thải có thành phần nguy hại	16 01 10	18
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	58
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	43
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	42,7
Tổng số			143,7

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 109,08 tấn/năm.
- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải 4,8 tấn/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 613,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 07 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng, có nắp đậy, có dán nhãn (tên, mã chất thải).

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 5,2 m²; đặt tại tầng 1 nhà C.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: kho chứa có vách ngăn bằng thép/tôn, nền láng thêm một lớp xi măng lát gạch chống thấm, trần bê tông, có cửa khóa, biển cảnh báo; chất thải nguy hại được phân chia loại từng thùng chứa riêng, được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải: thể tích 2,94 m³.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa ngoài nhà: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được chứa trong bể chứa bùn.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Bể chứa bùn thải cấu tạo từ vật liệu composite, đặt ngầm cùng khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng rác 10 lít đặt tại khu vực văn phòng; các thùng đựng rác 15 lít đặt tại khu vực hành lang. Tại khu vực nhà ăn: rác thải được phân loại thành 02 loại rác hữu cơ và rác vô cơ, mỗi loại được lưu chứa vào 01 thùng dung tích 120 lít, có nắp đậy. Tại các khu vực công cộng như sảnh, khu vực đón tiếp, sân vườn đặt các thùng rác bằng inox kín nắp, có dung tích khoảng 15 lít.

- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom vận chuyển tới khu vực lưu trữ rác.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích khoảng 57 m² cạnh cổng ra vào Trần Bình Trọng. Bố trí 6 xe chứa rác có dung tích 500 lít/xe.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: khu vực lưu chứa được đổ bê tông chống thấm, xung quanh có hàng rào và cây xanh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (nếu có)

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Chương X Luật Bảo vệ môi trường, Chương IX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với đặc điểm hiện trạng thực tế. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 42 /GPMT-STNMT ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)

1. Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải tại vị trí phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.

3. Thực hiện theo các quy định hiện hành về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng công trình; về các biện pháp giảm bụi trong thi công xây dựng; Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - QCVN 05:2013/BTNMT.

4. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 1 - Khu vực thông thường) về độ rung.

5. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đã đề xuất; Cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra khi cần thiết.

7. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường (gây ra trong quá trình hoạt động - nếu có) theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tới Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND quận Hoàn Kiếm để quản lý.

9. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

10. Thực hiện việc cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.